



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/05/2016 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ: 30.600.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2016: 30.600.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 04.35122163
- Fax: (84) 04.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chi hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 249 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 7 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Lê Hoàng Hải | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/04/2015 |
| • Ông Phạm Ngọc Tới | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/04/2015 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |
| • Ông Lê Huy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 18/03/2015 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Trần Thị Thu Hương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/03/2013 |
| • Bà Phan Thị Thu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------|----------|--------------------------|
| • Ông Lê Huy | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/04/2015 |
|--------------|----------|--------------------------|

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|------------------------|----------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Bích La | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 |
| • Ông Nguyễn Phong Yên | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 12/09/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

Lê Huy

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 816/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 08/08/2016 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55.004.576.657	60.036.109.684
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.048.723.626	20.863.143.255
1. Tiền	111	5	3.897.636.734	7.799.836.379
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	10.151.086.892	13.063.306.876
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		750.000.000	750.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7	750.000.000	750.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.620.569.054	26.372.369.418
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	14.092.623.184	22.378.614.064
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	4.537.296.883	3.133.555.728
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	2.612.907.622	1.499.877.201
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(622.258.635)	(639.677.575)
IV. Hàng tồn kho	140	12	13.366.472.485	9.358.215.345
1. Hàng tồn kho	141		13.539.138.680	9.530.881.540
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(172.666.195)	(172.666.195)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.218.811.492	2.692.381.666
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	6.103.017.312	2.691.881.666
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	115.794.180	500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.121.226.985	21.899.536.666
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.063.212.200	2.063.212.200
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	2.063.212.200	2.063.212.200
II. Tài sản cố định	220		1.441.829.257	695.101.007
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.441.829.257	695.101.007
- Nguyên giá	222		9.577.525.747	8.347.658.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.135.696.490)	(7.652.557.503)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		17.037.244.739	17.170.244.739
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	17.037.244.739	17.170.244.739
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.578.940.789	1.970.978.720
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	2.500.842.107	1.847.929.931
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	78.098.682	123.048.789
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		78.125.803.642	81.935.646.350

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.337.976.342	48.673.751.474
I. Nợ ngắn hạn	310		37.462.974.342	48.673.751.474
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	28.717.401.497	30.043.112.881
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	3.791.249.463	3.805.884.268
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	612.751.881	2.904.300.176
4. Phải trả người lao động	314		-	8.903.591.471
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	67.748.750	1.711.111
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	20.900.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	241.218.805	866.986.473
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23a	1.750.000.000	1.100.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.261.703.946	1.048.165.094
II. Nợ dài hạn	330		875.002.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23b	875.002.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.787.827.300	33.261.894.876
I. Vốn chủ sở hữu	410		39.787.827.300	33.261.894.876
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	30.600.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.600.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(227.778.500)	(119.378.500)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	7.769.929.524	5.224.554.114
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	1.645.676.276	10.156.719.262
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	3.600.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.645.676.276	6.556.719.262
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		78.125.803.642	81.935.646.350



Giám đốc

Lê Huy

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Văn Quyết

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	26	72.095.538.177	54.352.500.471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		72.095.538.177	54.352.500.471
4. Giá vốn hàng bán	11	27	46.801.098.575	36.417.792.680
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>25.294.439.602</u>	<u>17.934.707.791</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	392.531.836	288.416.428
7. Chi phí tài chính	22	29	147.918.126	14.129.016
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>147.918.126</i>	<i>14.129.016</i>
8. Chi phí bán hàng	25	30.a	16.592.334.981	12.485.807.203
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30.b	6.987.329.083	4.591.372.235
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>1.959.389.248</u>	<u>1.131.815.765</u>
11. Thu nhập khác	31	31	245.491.898	120.830.007
12. Chi phí khác	32	32	11.241.819	38.284.617
13. Lợi nhuận khác	40		<u>234.250.079</u>	<u>82.545.390</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>2.193.639.327</u>	<u>1.214.361.155</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	503.012.944	403.225.422
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	44.950.107	49.445.118
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>1.645.676.276</u>	<u>761.690.615</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	580	282
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	580	282



Giám đốc

Lê Huy

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Văn Quyết

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		73.974.046.162	62.856.179.829
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(62.783.896.662)	(50.446.101.008)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.503.754.691)	(14.782.071.597)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	20,29	(145.529.237)	(19.033.183)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	19	(1.484.012.468)	(980.857.007)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.308.904.993	265.270.144
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.796.549.521)	(3.725.339.467)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.430.791.424)	(6.831.952.289)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	14	(1.362.467.237)	(3.674.394.767)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	11.750.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,28	262.237.032	650.947.250
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.100.230.205)	8.726.552.483
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	24	8.891.600.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	23	4.037.720.665	3.535.860.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	23	(2.512.718.665)	(6.285.860.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	24.e	(2.700.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.716.602.000	(2.750.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.814.419.629)	(855.399.806)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5, 6	20.863.143.255	5.476.444.381
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5, 6	14.048.723.626	4.621.044.575



Giám đốc

Lê Huy

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Văn Quyết

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/05/2016 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ: 30.600.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2016: 30.600.000.000 đồng

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: *Phát hành sách mầm non; Bán lẻ sách báo, văn phòng phẩm, đồ dùng gia đình; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác.*

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy – học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 (Bắt đầu ngày 01/01/2016 và kết thúc ngày 30/06/2016)

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tất cả tài sản cố định hiện có. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc, thiết bị	1,5 – 3,5
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 18 tháng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông góp vốn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Đối với sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5%;
 - Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	543.298.091	220.593.343
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.354.338.643	7.579.243.036
Cộng	3.897.636.734	7.799.836.379

6. Các khoản tương đương tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	5.151.086.892	13.063.306.876
Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	5.000.000.000	-
Cộng	10.151.086.892	13.063.306.876

7. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	750.000.000	-	-	750.000.000	-	-
Cộng	750.000.000	-	-	750.000.000	-	-

Cổ phiếu của Công ty này chưa niêm yết trên các sở giao dịch và công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này. Do đó, khoản đầu tư trên được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hồ Chí Minh	261.360.000	2.265.120.000
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	761.714.167	1.885.529.472
Công ty CP TBGD và Đồ chơi Hà Thành	1.015.091.581	1.011.145.337
Công ty CP Công nghiệp và Truyền thông Việt Nam	1.281.559.955	1.681.559.955
Các đối tượng khác	10.772.897.481	15.535.259.300
Cộng	14.092.623.184	22.378.614.064

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư	439.225.142	588.290.431
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	ĐVTT Công ty đầu tư	261.360.000	2.265.120.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	ĐVTT Công ty đầu tư	514.371.000	935.451.000
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	761.714.167	1.885.529.472
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	407.509.143	2.429.205.011
Cộng		2.384.179.452	8.103.595.914

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Minh Phát	533.998.711	557.290.304
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng DP&C	1.307.425.650	707.425.650
Công ty Cổ phần In và Truyền thông Hợp Phát	1.101.754.807	-
Các đối tượng khác	1.594.117.715	1.868.839.774
Cộng	4.537.296.883	3.133.555.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
BHXH, BHYT, BHTN	84.549.527	-	49.293.285	-
Lãi dự thu	65.780.120	-	40.485.316	-
Cổ tức phải thu	105.000.000	-	-	-
Tạm ứng	654.935.449	-	827.654.093	-
Ký cược, ký quỹ	30.000.000	-	30.000.000	-
Phải thu thuế TNCN nhân viên	500.008.587	-	-	-
Phải thu người lao động (*)	1.022.646.040	-	-	-
Phải thu khác	149.987.899	-	552.444.507	-
Cộng	2.612.907.622	-	1.499.877.201	-

(*) Đơn giá lương của Công ty được Đại hội cổ đông thông qua và được trích tỷ lệ theo lợi nhuận trước thuế. Tuy nhiên, do đặc thù sản xuất kinh doanh theo mùa vụ, lợi nhuận 6 tháng đầu năm chỉ chiếm khoảng 20% lợi nhuận của cả năm. Do đó, để ổn định đời sống cán bộ công nhân viên các tháng trong năm, Công ty đã tạm ứng lương cho người lao động. Theo đó, trong 6 tháng đầu năm 2016, tiền lương thực chi cho người lao động lớn hơn quỹ lương được trích. Chênh lệch này được Công ty phản ánh trên khoản mục "Các khoản phải thu khác" là 1.022.646.040 đồng và sẽ được bù đắp hết trong 6 tháng cuối năm 2016.

b. Dài hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	2.063.212.200	-	2.063.212.200	-
Cộng	2.063.212.200	-	2.063.212.200	-

11. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Dự phòng phải thu khó đòi đầu kỳ	639.677.575	458.556.884
Dự phòng phát sinh trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	17.418.940	2.721.600
Dự phòng phải thu khó đòi cuối kỳ	622.258.635	455.835.284

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ xấu

	30/06/2016			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	780.447.304	158.188.669		
- Công ty TNHH In và Nghiên cứu Thị trường Việt Cường	116.634.795	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
- Các đối tượng khác	663.812.509	158.188.669	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	780.447.304	158.188.669		

	01/01/2016			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	815.285.184	175.607.609		
- Công ty TNHH In và Nghiên cứu Thị trường Việt Cường	116.634.795	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
- Các đối tượng khác	698.650.389	175.607.609	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	815.285.184	175.607.609		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

12. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	383.896.786	-	185.312.187	-
Công cụ, dụng cụ	14.884.000	-	14.884.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	711.199.691	-
Thành phẩm	12.970.488.324	(172.666.195)	8.441.171.281	(172.666.195)
Hàng hóa	169.869.570	-	178.314.381	-
Cộng	13.539.138.680	(172.666.195)	9.530.881.540	(172.666.195)

- Giá trị sách chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2016 là 172.666.195 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch làm từ thiện, biếu tặng đối với các loại sách trên.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí thuê, sửa chữa cửa hàng	3.103.684.135	1.944.375.138
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	502.956.829	363.854.122
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	22.493.018	33.081.827
Chi phí linh kiện, phụ kiện, phần mềm	69.819.751	95.316.669
Phí quản lý xuất bản	2.164.451.137	255.253.910
Các khoản khác	239.612.442	-
Cộng	6.103.017.312	2.691.881.666

b. Dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	686.167.681	312.247.291
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.706.928.139	1.513.002.640
Chi phí khác	107.746.287	22.680.000
Cộng	2.500.842.107	1.847.929.931

14. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	4.551.078.913	3.236.152.191	490.136.518	70.290.888	8.347.658.510
Mua sắm trong kỳ	978.514.992	-	251.352.245	-	1.229.867.237
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	5.529.593.905	3.236.152.191	741.488.763	70.290.888	9.577.525.747
Khấu hao					
Số đầu kỳ	4.147.310.030	3.058.118.691	444.525.417	2.603.365	7.652.557.503
Khấu hao trong kỳ	249.846.345	178.033.500	43.543.992	11.715.150	483.138.987
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.397.156.375	3.236.152.191	488.069.409	14.318.515	8.135.696.490
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	403.768.883	178.033.500	45.611.101	67.687.523	695.101.007
Số cuối kỳ	1.132.437.530	-	253.419.354	55.972.373	1.441.829.257

- Không có TSCĐ hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2016.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 7.394.964.944 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2016	01/01/2016
Mua sắm	17.037.244.739	17.170.244.739
- Nhà văn phòng	17.037.244.739	17.170.244.739
Cộng	17.037.244.739	17.170.244.739

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2016	01/01/2016
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	78.098.682	123.048.789
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	78.098.682	123.048.789

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP In Bao bì Hà Tây	3.220.820.572	2.946.121.919
Công ty CP Việt Tinh Anh	2.005.962.115	1.340.383.069
Các đối tượng khác	23.490.618.810	25.756.607.893
Cộng	28.717.401.497	30.043.112.881

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Bàn đồ-Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư	186.657.256	193.789.490
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	149.060.432	180.217.302
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	1.463.825.388	270.086.703
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư	399.071.617	340.547.993
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư	593.361.897	-
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	548.622.569	429.138.273
Cộng		3.340.599.159	1.413.779.761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Người mua trả tiền ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP SX&PT Thương mại Hải Lâm	1.051.547.348	986.039.551
Luyện Thị Minh Huệ (Hải Dương)	425.007.935	-
Các đối tượng khác	2.314.694.180	2.819.844.717
Cộng	3.791.249.463	3.805.884.268

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	765.215.329	1.044.979.157	1.539.636.233	-	270.558.253
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.323.193.152	503.012.944	1.484.012.468	-	342.193.628
Thuế thu nhập cá nhân	-	815.891.695	1.935.435.662	2.867.121.537	115.794.180	-
Các loại thuế khác	500.000	-	9.500.000	9.000.000	-	-
Cộng	500.000	2.904.300.176	3.492.927.763	5.899.770.238	115.794.180	612.751.881

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Nguyên vật liệu nhập kho chưa có hóa đơn	63.648.750	-
Trích trước chi phí lãi vay	4.100.000	1.711.111
Cộng	67.748.750	1.711.111

21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Doanh thu thẻ khuyến mại	20.900.000	-
Cộng	20.900.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	44.431.691	87.396.991
Phải trả khác	196.787.114	779.589.482
Cộng	241.218.805	866.986.473

23. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	1.100.000.000	537.720.665	1.637.720.665	-
- Ngân hàng TMCP Dầu tu và Phát triển VN - CN Hà Nội	1.100.000.000	537.720.665	1.637.720.665	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	2.624.998.000	874.998.000	1.750.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	2.624.998.000	874.998.000	1.750.000.000
Cộng	1.100.000.000	3.162.718.665	2.512.718.665	1.750.000.000

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	-	3.500.000.000	874.998.000	2.625.002.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	3.500.000.000	874.998.000	2.625.002.000
Nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Cộng	-	3.500.000.000	874.998.000	2.625.002.000
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-	-	-	1.750.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	875.002.000

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng tín dụng số 040116-22981-01SME ngày 19/01/2016. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền mua văn phòng tại tầng 12A thuộc dự án DIAMOND FLOWER TOWER. Thời gian cho vay: 24 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân (22/01/2016) là 9,65%/năm, sau đó sẽ được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần theo mức lãi suất bản vốn của bên ngân hàng cộng biên độ 3,4%/năm. Hợp đồng tín dụng được bảo đảm bằng quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng tài sản số 165C1/HĐCNVP/HANDICO06. Tài sản nằm tại tầng 12A tòa nhà Diamond Flower, lô đất C1 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	18.000.000.000	(119.378.500)	3.712.465.135	6.011.771.834	27.604.858.469
Tăng trong kỳ	-	-	1.512.088.979	6.556.719.262	8.068.808.241
Giảm trong kỳ	-	-	-	2.411.771.834	2.411.771.834
Số dư tại 31/12/2015	18.000.000.000	(119.378.500)	5.224.554.114	10.156.719.262	33.261.894.876
Số dư tại 01/01/2016	18.000.000.000	(119.378.500)	5.224.554.114	10.156.719.262	33.261.894.876
Tăng trong kỳ	12.600.000.000	-	2.545.375.410	1.645.676.276	16.791.051.686
Giảm trong kỳ	-	108.400.000	-	10.156.719.262	10.265.119.262
Số dư tại 30/06/2016	30.600.000.000	(227.778.500)	7.769.929.524	1.645.676.276	39.787.827.300

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	18.000.000.000	18.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	12.600.000.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	30.600.000.000	18.000.000.000
Cổ tức đã chia	6.300.000.000	-

c. Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.060.000	1.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.060.000	1.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.060.000	1.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.060.000	1.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ tức

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 18/03/2015 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với tỷ lệ 20%/vốn điều lệ (tương ứng 3.600.000.000 đồng). Theo đó, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong 6 tháng đầu năm 2016.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 24/03/2016 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (tương ứng 2.700.000.000 đồng). Theo đó, Công ty đã chi trả toàn bộ số cổ tức trên trong 6 tháng đầu năm 2016.

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	10.156.719.262	6.011.771.834
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.645.676.276	761.690.615
Phân phối lợi nhuận	10.156.719.262	2.411.771.834
- Phân phối lợi nhuận trước (*)	3.600.000.000	2.411.771.834
+ Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính	-	1.512.088.979
+ Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	899.682.855
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu	3.600.000.000	-
- Phân phối lợi nhuận năm 2015 (**)	6.556.719.262	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	2.545.375.410	-
+ Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.311.343.852	-
+ Trả cổ tức bằng tiền	2.700.000.000	-
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	1.645.676.276	4.361.690.615

(*) Lợi nhuận sau thuế năm 2014 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 18/03/2015.

(**) Lợi nhuận sau thuế năm 2015 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 24/03/2016.

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	30/06/2016	01/01/2016
Hàng hóa nhận ký gửi	26.569.530.288	18.684.535.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu bán sách tham khảo	68.176.194.091	51.226.763.694
Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	3.919.344.086	3.125.736.777
Cộng	72.095.538.177	54.352.500.471

27. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá vốn sách tham khảo	44.055.322.527	34.946.629.110
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	2.745.776.048	1.471.163.570
Cộng	46.801.098.575	36.417.792.680

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	287.531.836	175.916.428
Cổ tức, lợi nhuận được chia	105.000.000	112.500.000
Cộng	392.531.836	288.416.428

29. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí lãi vay	147.918.126	14.129.016
Cộng	147.918.126	14.129.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.004.901.057	1.955.278.159
Chi phí nhân công	5.788.067.762	3.044.732.314
Chi phí khấu hao tài sản cố định	269.989.747	255.302.202
Chi phí thuê nhà, cửa hàng	4.659.002.600	3.279.713.321
Các khoản khác	3.870.373.815	3.950.781.207
Cộng	16.592.334.981	12.485.807.203

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí công cụ, dụng cụ	398.323.978	93.297.608
Chi phí nhân công	2.385.090.540	1.265.997.869
Chi phí khấu hao tài sản cố định	195.126.157	371.273.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.073.216.024	1.742.738.730
Các khoản khác	1.952.991.324	1.120.785.982
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(17.418.940)	(2.721.600)
Cộng	6.987.329.083	4.591.372.235

31. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Nhận tiền khuyến mãi	125.171.337	77.823.159
Thu tiền đền bù do mất hàng	55.092.068	32.178.048
Thu nhập khác	65.228.493	10.828.800
Cộng	245.491.898	120.830.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Nộp phạt thuế	-	32.808.059
Các khoản khác	11.241.819	5.476.558
Cộng	11.241.819	38.284.617

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.193.639.327	1.214.361.155
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	321.425.456	260.077.838
- Điều chỉnh tăng	651.175.993	597.328.376
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	524.475.833	116.250.000
+ Thù lao HDQT không trực tiếp điều hành	82.000.000	358.870.000
+ Khấu hao của nguyên giá xe ô tô vượt 1,6 tỷ	44.700.160	89.400.317
+ Phạt thuế	-	32.808.059
- Điều chỉnh giảm	329.750.537	337.250.538
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	105.000.000	112.500.000
+ Khấu hao chênh lệch giữa thuế và kế toán	224.750.537	224.750.538
Tổng thu nhập chịu thuế	2.515.064.783	1.474.438.993
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	503.012.944	403.225.422
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	503.012.944	324.376.579
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	78.848.843

34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	44.950.107	49.445.118
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	44.950.107	49.445.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.645.676.276	761.690.615
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(329.135.255)	(152.338.123)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (dự kiến trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành)	329.135.255	152.338.123
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.316.541.021	609.352.492
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.271.352	2.160.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.271.352	1.800.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm để trả cổ tức	-	360.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	580	282

36. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.242.048.844	5.820.025.373
Chi phí nhân công	10.015.148.288	5.260.606.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định	483.138.987	626.575.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.769.960.502	19.481.600.045
Chi phí khác bằng tiền	3.682.713.008	3.630.348.107
Cộng	35.193.009.629	34.819.155.389

37. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là hoạt động mỹ thuật, truyền thông giáo dục, phát hành sách và một bộ phận địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Giám đốc đánh giá rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, chi phí in ấn cũng chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với mức phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau. Hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty sách lớn, Vụ mầm non và Sở giáo dục. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30/06/2016	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	28.717.401.497	-	28.717.401.497
Chi phí phải trả	67.748.750	-	67.748.750
Vay và nợ thuê tài chính	1.750.000.000	875.002.000	2.625.002.000
Phải trả khác	196.787.114	-	196.787.114
Cộng	30.731.937.361	875.002.000	31.606.939.361
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	30.043.112.881	-	30.043.112.881
Chi phí phải trả	1.711.111	-	1.711.111
Vay và nợ thuê tài chính	1.100.000.000	-	1.100.000.000
Phải trả khác	779.589.482	-	779.589.482
Cộng	31.924.413.474	-	31.924.413.474

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2016	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.048.723.626	-	14.048.723.626
Đầu tư tài chính	750.000.000	-	750.000.000
Phải thu khách hàng	13.470.364.549	-	13.470.364.549
Phải thu khác	350.768.019	2.063.212.200	2.413.980.219
Cộng	28.619.856.194	2.063.212.200	30.683.068.394
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.863.143.255	-	20.863.143.255
Đầu tư tài chính	750.000.000	-	750.000.000
Phải thu khách hàng	21.738.936.489	-	21.738.936.489
Phải thu khác	140.767.096	2.063.212.200	2.203.979.296
Cộng	43.492.846.840	2.063.212.200	45.556.059.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

40. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	ĐVTT Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Bán tem, sách	184.105.553	72.938.217
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem, sách	2.009.471.170	1.844.368.409
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán tem, sách	316.800.000	165.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Bán tem, sách	831.600.000	594.000.000
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Bán phim, tem, sách	135.403.468	427.918.647
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí QLXB, khác	1.907.239.980	2.154.671.363
	Thuê nhà, điện, nước	110.426.273	155.073.636
	Mua khác	-	638.387.196
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	1.358.246.621	1.468.002.878
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	615.389.120	434.424.150
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách các loại	1.622.816.068	1.762.287.839
Khác			
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Nhận cổ tức bằng tiền	105.000.000	112.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lương Ban Giám đốc	1.595.169.027	1.422.401.081
Thù lao Hội đồng quản trị	302.000.000	360.000.000

41. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Giám đốc

Lê Huy

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Văn Quyết